CHUBB

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE, TRADING OF FUND CERTIFICATE

Từ ngày 19 tháng 02 tới ngày 25 tháng 02 năm 2020 / From 19 Feb to 25 Feb 2020

Tên Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company:
Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life
Chubb Life Fund Management Company Limited

Tên ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.

Tên Quỹ:
Fund name:
Quỹ Đầu tư Trái phiếu Mở rộng Chubb (CBPF)
Chubb Bond Plus Fund (CBPF)

Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:
26 tháng 02 năm 2020
26-Feb-20

STT No		Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo This period	Kỳ trước Last period
I		**I. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ** ***Net Asset Value (NAV) at the beginning of period***	**4060**	**104,118,241,526**	**104,021,966,509**
II		**II. Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó:** ***Change of NAV during the period (= II.1 + II.2), of which:***	**4061**	**89,279,103**	**92,275,017**
	II.1	II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ *Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period*	4062	89,279,103	92,275,017
	II.2	II.2 Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ *Change of NAV due to profit distribution to investors during the period*	4063	-	-
III		**III. Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 + III.2)** ***Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate (= III.1 + III.2)***	**4064**	**(10,347,430)**	**4,000,000**
	III.1	III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ *Increase from Subscription of Fund Certificate*	4065	-	4,000,000
	III.2	III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ *Decrease from Redemption of Fund Certificate*	4066	(10,347,430)	-
IV		**IV. Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III)** ***NAV at the end of period (= I + II + III)***	**4067**	**104,197,173,199**	**104,118,241,526**
		Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cuối kỳ ***NAV per unit at the end of period***	**4067.1**	**10,356.31**	**10,347.43**

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)
Vũ Hương Giang
Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán

Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ Chubb Life
Bùi Thanh Hiệp
Phó Chủ tịch Công ty